

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/KDTM-ST

Ngày: 22-8-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, yêu cầu bồi thường thiệt hại*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG - TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ninh Quốc Hòa

Ông Phạm Văn Khuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2023/TLST-KDTM ngày 01/3/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đấu giá, yêu cầu bồi thường thiệt hại*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐST - KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH N.

Địa chỉ trụ sở: Số 519, Tổ 7, khu phố 1B, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn K - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Vương Xuân K, sinh năm 1977; Địa chỉ: 455 Khu phố 6, phường L, thành phố N, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

+ Ông Đồng Văn H, sinh năm 2000.

Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH N – Số 519, tổ 7, khu phố 1B, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

- Bị đơn có yêu cầu phản tố: Công ty TNHH MTV Cao su P.

Địa chỉ trụ sở: Đường ĐT 741, thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật:

+ Ông Lê Tiên V – Tổng Giám đốc;

+ Ông Lưu Thế D – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy Ch, sinh năm 1966 – Phó

Tổng giám đốc; (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

+ Ông Phan Trung H – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Phan Trung H, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

+ Ông Phan Minh H - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Phan Trung H, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 100A, Đ, Phường 9, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh P; Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Điền L – Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH N trình bày:

Ngày 13/01/2023 Công ty TNHH N (gọi tắt là Công ty N) tham gia mua đấu giá lô cây cao su thanh lý 631,59ha của Công ty TNHH MTV cao su PP (gọi tắt Công ty cao su P). Công ty N đã trúng đấu giá với giá mua là 160.500.000.000 đồng. Quy chế đấu giá quy định trong vòng 05 ngày kể từ ngày trúng đấu giá (tức hạn chót ngày 18/01/2023) Công ty N và Công ty cao su P sẽ ký hợp đồng mua bán. Đến ngày 16/01/2023, Công ty cao su P đã yêu cầu Công ty N ký vào Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 09/HĐMB-2023 ngày 18/01/2023 (gọi tắt là Hợp đồng 09) đã được soạn và ký tên, đóng dấu sẵn. Theo Hợp đồng thì Công ty N có nghĩa vụ thanh toán số tiền trúng đấu giá 160.500.000.000 đồng và tiền bảo lãnh hợp đồng 16.050.000.000 đồng, tổng 176.550.000.000 đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng. Đến ngày 02/02/2023, Công ty cao su P làm việc với Công ty N thống nhất gia hạn đến 17 giờ ngày 02/02/2023. Quá trình thương thảo thì Công ty N đã nỗ lực hết sức để thanh toán, tính đến ngày 02/02/2023 đã thanh toán được 127.319.332.400 đồng (đạt 72,12% số tiền thanh toán). Sau ngày 02/02/2023, Công ty N có văn bản xin gia hạn thời hạn thanh toán và đến 09/02/2023 đã thanh toán đủ số tiền còn lại 49.230.660.600 đồng. Đến chiều ngày 09/02/2023, Công ty cao su P mời đại diện Công ty N lên họp, tại cuộc họp Công ty cao su P thông báo sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng 09 vì lý do vi phạm tiến độ thanh toán. Đến ngày 10/02/2023 Công ty N nhận được văn bản số 102 từ Công ty cao su P thông báo chuyển trả 150.630.667.600 đồng cho Công ty N và 25.919.332.400 đồng cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tỉnh P. Căn cứ quy định pháp luật và Hợp đồng 09 mà hai bên đã ký kết thì việc Công ty cao su P đơn phương chấm dứt hợp đồng là không có căn cứ, không đúng quy định tại điều 428 Bộ luật dân sự 2015. Do vậy, Công ty P khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên: Hủy quyết định chấm dứt Hợp đồng 09, buộc Công ty cao su P tiếp tục thực hiện Hợp đồng 09.

Ngày 26/5/2023, Công ty P có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung với nội dung: Tuyên buộc Công ty cao su P bồi thường thiệt hại số tiền 8.710.000.000 đồng. Tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng 09, đối với các nội dung: Tại khoản

3.1 Điều 3 “... Nếu quá thời hạn quy định trên mà Bên B không nộp đủ tiền thì Bên A sẽ đình chỉ thực hiện hợp đồng với Bên B”; Tại Điều 5 “... báo với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước hủy kết quả đấu giá trúng. Trong trường hợp này Bên B sẽ bị mất tiền đặt trước của gói đấu với số tiền là 25.919.332.400 đồng Số tiền này sẽ thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Cao su P”.

Đến ngày 14/5/2024, Công ty P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung: Tuyên buộc Công ty cao su P bồi thường thiệt hại số tiền 8.710.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty cao su P, Công ty P có ý kiến như sau:

- Đối với yêu cầu tuyên số tiền đặt trước 25.919.332.400 đồng thuộc sở hữu của Công ty cao su P. Yêu cầu này là không có căn cứ vì số tiền 25.919.332.400 đồng là tiền thanh toán chứ không phải là tiền đặt trước nên việc Công ty cao su P yêu cầu được sở hữu với số tiền này là không có căn cứ. Việc Công ty N chỉ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mà không phải là không nộp tiền như tại Điều 5 của Hợp đồng quy định nên không phát sinh quyền sở hữu số tiền này.

- Đối với yêu cầu Công ty N bồi thường thiệt hại số tiền 11.252.282.461 đồng: Công ty N không đồng ý vì Công ty cao su P đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật nên không có quyền yêu cầu bồi thường; đồng thời thiệt hại mà Công ty cao su P liệt kê là không có căn cứ thực tế.

Theo các văn bản trình bày ý kiến, biên bản lấy lời khai, đại diện bị đơn Công ty TNHH MTV cao su P trình bày:

Để thực hiện bán 631,59ha cây cao su thanh lý, Công ty cao su P đã ký hợp đồng thuê Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh B (gọi tắt là Trung tâm đấu giá) tổ chức bán đấu giá. Ngày tổ chức là 13/01/2023, kết quả Công ty P trúng đấu giá với số tiền 160.500.000.000 đồng. Đến ngày 18/01/2023, Công ty cao su P và Công ty N ký Hợp đồng mua bán số 09 về việc mua bán cây cao su thanh lý nêu trên, giá trị hợp đồng 176.550.000.000 đồng (trong đó: tiền trúng đấu giá 160.500.000.000 đồng, tiền bảo lãnh hợp đồng là 16.050.000.000 đồng). Do đó, việc ký kết Hợp đồng 09 giữa Công ty cao su P và Công ty N đảm bảo tuân thủ Quy chế đấu giá, ngày ký kết là đúng quy định. Tại khoản 3.1 Điều 3 Hợp đồng quy định chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, Công ty N phải nộp đủ 176.550.000.000 đồng. Tuy nhiên đến hết ngày 01/02/2023 Công ty N mới nộp được 112.819.332.400 đồng. Ngày 02/02/2023, hai bên có thương lượng cho thêm 01 ngày, cụ thể là đến 17 giờ ngày 02/02/2023 phải thanh toán 100% nhưng đến hết ngày 02/02/2023 Công ty N chỉ thanh toán được 122.819.332.400 đồng, số tiền còn thiếu 53.730.667.600 đồng. Như vậy, Công ty N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 09/02/2023, Công ty cao su P đã làm việc với Công ty N và quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng theo đúng quy định tại Điều 5 Hợp đồng. Ngày 10/02/2023 Công ty cao su Phú Riềng chuyển trả số tiền 150.630.667.600 đồng cho Công ty Ngọc Giàu, hiện còn đang giữ lại số tiền 25.919.332.400 đồng. Công ty cao su Phú Riềng đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty N, đồng thời Công ty cao su P có yêu cầu phản tố tuyên công nhận số tiền đặt trước 25.919.332.400 đồng

thuộc sở hữu của Công ty cao su P; Yêu cầu Công ty N bồi thường thiệt hại số tiền 11.252.282.461 đồng do vi phạm nghĩa vụ thanh toán gây ra.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh B trình bày:

Ngày 13/01/2023, Trung tâm đấu giá tiến hành tổ chức đấu giá 631,59ha cây cao su thanh lý theo trình tự, thủ tục quy định của Luật đấu giá tài sản 2016. Người trúng đấu giá là Công ty N với số tiền 160.500.000.000 đồng, Công ty N đã trúng đấu giá và ký biên bản đấu giá tại cuộc đấu giá, cuộc đấu giá đã hoàn thành và kết thúc quá trình đấu giá.

Trên cơ sở kết quả đấu giá, ngày 18/01/2023, Công ty cao su P và Công ty N ký kết Hợp đồng mua bán số 09 là đúng theo quy định tại Điều 46 Luật đấu giá tài sản 2016, hợp đồng này được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên và theo quy định pháp luật. Do đó, Trung tâm không có quyền, nghĩa vụ đối với các nội dung trong Hợp đồng 09. Đối với số tiền 25.919.332.400 đồng trước đây Công ty N đã đặt cọc để tham gia đấu giá đối với 631,59ha cây cao su thanh lý. Ngày 13/01/2023 sau khi trúng đấu giá, Trung tâm đã chuyển số tiền này cho Công ty cao su P theo quy định nên Trung tâm không còn liên quan gì đến số tiền này. Trung tâm cũng xin được giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn Công ty N và bị đơn Công ty cao su P thống nhất thỏa thuận và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận các nội dung: Do Công ty N chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo hợp đồng nên hai bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 09/HĐMB-2023 ngày 18/01/2023. Công ty cao su P có nghĩa vụ trả lại cho Công ty N số tiền 25.919.332.400 đồng. Các bên thống nhất không tranh chấp nội dung nào khác liên quan đến Hợp đồng này.

+ Nguyên đơn Công ty N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung: Tuyên buộc Công ty cao su P bồi thường thiệt hại số tiền 8.710.000.000 đồng và tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng 09, đối với các nội dung: Tại khoản 3.1 Điều 3 "... Nếu quá thời hạn quy định trên mà Bên B không nộp đủ tiền thì Bên A sẽ đình chỉ thực hiện hợp đồng với Bên B"; Tại Điều 5 "... báo với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Bình Phước hủy kết quả đấu giá trúng. Trong trường hợp này Bên B sẽ bị mất tiền đặt trước của gói đấu với số tiền là 25.919.332.400 đồng Số tiền này sẽ thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Cao su P".

+ Bị đơn Công ty cao su P xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc tuyên công nhận số tiền đặt trước 25.919.332.400 đồng thuộc sở hữu của Công ty cao su P và yêu cầu Công ty P bồi thường thiệt hại 11.252.282.461 đồng.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ý kiến: Thống nhất với trình bày của đại diện bị đơn Công ty cao su P và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên tại phiên tòa.

+ Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa: (Có bản phát biểu riêng)

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đảm bảo đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận việc chấm dứt Hợp đồng 09; Bị đơn hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 25.919.332.400 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự đối với nội dung này.

Đối với việc nguyên đơn Công ty N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty N về việc tuyên buộc Công ty cao su P bồi thường thiệt hại số tiền 8.710.000.000 đồng và yêu cầu tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng 09. Bị đơn Công ty cao su P xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217, 218, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ thi hành án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của Công ty N yêu cầu buộc Công ty cao su P tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 09/HĐMB-2023 ngày 18/01/2023, xác định đây là vụ kiện kinh doanh thương mại tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá theo quy định khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, do Công ty P thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện là Công ty cao su P, có địa chỉ trụ sở tại: thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Mặc dù, tại Điều 8 Hợp đồng 09, các bên có thỏa thuận tranh chấp sẽ đưa ra Tòa án kinh tế Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết, tuy nhiên thỏa thuận này là trái pháp luật nên không được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh P vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Phan Minh H vắng mặt, đại diện bị đơn đồng ý giải quyết vắng mặt đối với ông H. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh P và ông Phan Minh H.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty N về việc yêu cầu buộc Công ty cao su P tiếp tục thực hiện Hợp đồng 09:*

Xét thấy, tại phiên tòa nguyên đơn Công ty N và bị đơn Công ty cao su P thống nhất thỏa thuận và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận đối với các nội dung: Do Công ty N chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền theo hợp đồng nên hai bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 09/HĐMB-2023 ngày 18/01/2023. Công ty cao su P có nghĩa vụ trả lại cho Công ty N số tiền 25.919.332.400 đồng. Các bên thống nhất không tranh chấp nội dung nào khác liên quan đến Hợp đồng này. Xét thấy, việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được ghi nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của Công ty N về việc buộc Công ty cao su P bồi thường thiệt hại số tiền 8.710.000.000 đồng. Ngày 14/5/2024, Công ty N đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần này; Tại phiên tòa, nguyên đơn cũng xin rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng 09, đối với các nội dung: Tại khoản 3.1 Điều 3 "... Nếu quá thời hạn quy định trên mà Bên B không nộp đủ tiền thì Bên A sẽ đình chỉ thực hiện hợp đồng với Bên B"; Tại Điều 5 "... báo với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh B hủy kết quả đấu giá trúng. Trong trường hợp này Bên B sẽ bị mất tiền đặt trước của gói đấu với số tiền là 25.919.332.400 đồng Số tiền này sẽ thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Cao su P". Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, đúng quy định pháp luật. Căn cứ Điều 217, 218, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu trên.

[3.3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty cao su P về việc yêu cầu tuyên công nhận số tiền đặt trước 25.919.332.400 đồng thuộc sở hữu của Công ty cao su P và yêu cầu Công ty N bồi thường thiệt hại 11.252.282.461 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố nêu trên. Xét thấy việc rút yêu cầu phản tố là tự nguyện, đúng quy định pháp luật. Căn cứ Điều 217, 218, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu trên.

[4] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:* Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty N tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí sơ thẩm, cụ thể: Án phí sơ thẩm không có giá ngạch 3.000.000 đồng; án phí có giá ngạch là 133.919.300 đồng, tổng cộng 136.919.300 đồng nên được ghi nhận.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 71, 72, 75, 147, 200, 217, 218, 227, 228, 244, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 422, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Ghi nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn Công ty TNHH N và bị đơn Công ty TNHH MTV cao su P.

[1.1] Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 09/HĐMB-2023 ngày 18/01/2023 giữa Công ty TNHH MTV cao su P với Công ty TNHH N. Các bên thống nhất không tranh chấp nội dung nào khác liên quan đến Hợp đồng này.

[1.2] Công ty TNHH MTV cao su P có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty TNHH N số tiền 25.919.332.400 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ chín trăm mười chín triệu ba trăm ba mươi hai nghìn bốn trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[2] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH N về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV cao su P bồi thường thiệt hại số tiền 8.710.000.000 đồng và yêu cầu tuyên vô hiệu một phần Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 09/HĐMB-2023 ký ngày 18/01/2023, đối với các nội dung: Tại khoản 3.1 Điều 3 "... Nếu quá thời hạn quy định trên mà Bên B không nộp đủ tiền thì Bên A sẽ đình chỉ thực hiện hợp đồng với Bên B" và Điều 5 "... báo với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh P hủy kết quả đấu giá trúng. Trong trường hợp này Bên B sẽ bị mất tiền đặt trước của gói đấu với số tiền là 25.919.332.400 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ, chín trăm mười chín triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, bốn trăm đồng*). Số tiền này sẽ thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Cao su P".

[3] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty cao su P về việc yêu cầu tuyên công nhận số tiền đặt trước 25.919.332.400 đồng thuộc sở hữu của Công ty cao su P và yêu cầu Công ty N bồi thường thiệt hại 11.252.282.461 đồng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH N có nghĩa vụ phải chịu số tiền án phí sơ thẩm 136.919.300 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016048 ngày 01/3/2023 và số tiền 58.355.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016189 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Số tiền còn lại 78.264.300 đồng (*Bảy mươi tám triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm đồng*) Công ty TNHH N tiếp tục phải nộp.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV cao su P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 72.585.800 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016148 ngày 12/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Tấn Trường

